

Số: *143*/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày *12* tháng 8 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Thông qua Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;
Căn cứ Luật Đa dạng sinh học ngày 13 tháng 11 năm 2008; Văn bản hợp nhất số 32/BVHN-VPQH ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Văn phòng Quốc hội về Luật Đa dạng sinh học;
Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
Căn cứ Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050;
Căn cứ Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025”;
Xét Tờ trình số 138/TTr-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị thông qua Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

(Có tóm tắt Chương trình kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật, định kỳ hằng năm báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 12 tháng 8 năm 2021./.

CHỦ TỊCH**Phạm Hoàng Sơn****Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực X;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

TÓM TẮT CHƯƠNG TRÌNH

Phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025,
định hướng đến năm 2030

(Kèm theo Nghị quyết số 143/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)



I. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung

Quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng và đất quy hoạch cho lâm nghiệp; nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế - xã hội, môi trường của từng loại rừng; bảo vệ môi trường sinh thái, an ninh nguồn nước, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu; nâng cao giá trị rừng sản xuất trên đơn vị diện tích, hình thành các chuỗi liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ lâm sản, tạo việc làm, tăng thu nhập, cải thiện sinh kế cho người dân làm nghề rừng, gắn với xây dựng nông thôn mới; đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Về môi trường

Bảo vệ, phát triển bền vững diện tích các loại rừng theo quy hoạch; ổn định tỷ lệ che phủ rừng từ 46% trở lên, đáp ứng mục tiêu điều hoà khí hậu, giảm ô nhiễm môi trường, suy thoái đất đai, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai; bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học, kết hợp du lịch sinh thái; 100% diện tích rừng giao cho các tổ chức được quản lý bền vững.

2.2. Về kinh tế

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất lâm nghiệp bình quân đạt từ 5,5%/năm trở lên.

- Quản lý và nâng cao chất lượng rừng tự nhiên, năng suất và hiệu quả rừng trồng, đến năm 2025, giá trị sản phẩm gỗ lớn trên một chu kỳ sản xuất đối với cây sinh trưởng nhanh là 225 triệu đồng/ha/chu kỳ; đối với cây sinh trưởng chậm là 430 triệu đồng/ha/chu kỳ; giá trị sản phẩm gỗ nhỏ là 75 triệu đồng/ha/chu kỳ; giá trị sản phẩm thu được trên 1 chu kỳ sản xuất Quế đạt 425 triệu đồng/ha/chu kỳ (10 năm). Đến năm 2030 giá trị thu nhập trên 1 ha từ rừng sản xuất tăng 2 lần so với năm 2020.

2.3. Về xã hội

Tạo việc làm, ổn định sinh kế người dân làm nghề rừng nhất là người dân tộc thiểu số; nâng cao nhận thức về quản lý rừng bền vững; hệ thống cơ sở, hạ tầng và dịch vụ trong lâm nghiệp cơ bản được hoàn thiện; góp phần bảo vệ, duy trì, phát huy các giá trị lịch sử, văn hoá truyền thống của các dân tộc ở miền núi gắn với xây dựng nông thôn mới.

II. Nội dung

1. Công tác quản lý, bảo vệ rừng

Rà soát, hoàn thiện quy hoạch lâm nghiệp sát với điều kiện thực tế, tiêu chí 3 loại rừng, đảm bảo hài hòa giữa quản lý bảo vệ rừng với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; thống nhất với quy hoạch sử dụng đất để đưa vào quy hoạch tỉnh, tích hợp vào quy hoạch lâm nghiệp quốc gia.

Tiếp tục thực hiện giao đất, giao rừng tập trung đối với diện tích do các Công ty nông lâm nghiệp trả ra, diện tích do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý để giao cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng lâu dài vào mục đích lâm nghiệp.

Quản lý, bảo vệ có hiệu quả diện tích rừng theo quy hoạch; triển khai cắm mốc phân định ranh giới rừng nhất là rừng đặc dụng; quản lý việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo đúng quy định của pháp luật; tăng cường công tác kiểm tra, truy quét, phòng chống cháy rừng, nhằm ngăn chặn, kịp thời xử lý các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp; thực hiện chuyên đối số trong lâm nghiệp; đầu tư trang thiết bị, hạ tầng cơ sở thiết yếu phục vụ công tác quản lý bảo vệ rừng.

Đẩy mạnh gắn kết giữa bảo tồn và phát triển với sự tham gia tích cực của các bên liên quan trong quản lý rừng, xây dựng các mô hình gắn kết cộng đồng địa phương tham gia vào công tác quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; triển khai thực hiện cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững cho các chủ rừng; thực hiện tốt chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.

Thực hiện khoanh nuôi tái sinh 3.000 ha, trong đó: Khoanh nuôi tái sinh trồng bổ sung 850 ha bằng cây bản địa, gỗ lớn trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; khoanh nuôi tái sinh tự nhiên 2.150 ha. Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng trên 203.300 lượt ha.

2. Công tác phát triển rừng

Tập trung nâng cao chất lượng rừng và hiệu quả kinh tế rừng theo chức năng của từng loại rừng, cụ thể:

- Rừng đặc dụng: Bảo tồn có hiệu quả các hệ sinh thái rừng, giảm thiểu tối đa sự suy giảm đa dạng sinh học tại khu rừng đặc dụng Thần Sa - Phượng Hoàng; nâng cao chất lượng rừng góp phần bảo vệ cảnh quan và giá trị lịch sử gắn với các hoạt động văn hoá du lịch tại khu rừng đặc dụng ATK Định Hóa. Thực hiện hỗ trợ cộng đồng dân cư vùng đệm khu rừng đặc dụng. Trồng bổ sung 150 ha bằng cây bản địa gắn với trồng cây dược liệu dưới tán rừng.

- Rừng phòng hộ: Trồng 1.850 ha. Đối với diện tích do các tổ chức quản lý trồng thay thế loài cây mọc nhanh bằng loài cây bản địa, cây đa tác dụng có giá trị đảm bảo chức năng phòng hộ, chống xói mòn, hạn chế thiên tai, điều hòa khí hậu, bảo vệ môi trường. Diện tích rừng phòng hộ do cộng đồng dân cư, người dân quản lý khuyến khích trồng cây bản địa kết hợp trồng cây dược liệu và lâm sản ngoài gỗ.

- Rừng sản xuất: Trồng 18.000 ha (trồng rừng gỗ lớn 2.000 ha, trồng quế 3.800 ha; trồng rừng gỗ nhỏ 12.200 ha); trồng cây phân tán 5 triệu cây. Tập trung việc nâng cao năng suất, chất lượng, ưu tiên trồng rừng gỗ lớn gắn với cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững. Hình thành các khu vực trồng cây đặc sản, cây dược liệu thân gỗ theo hướng hữu cơ. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh, thâm canh rừng trồng, phân đấu tăng trưởng bình quân hằng năm trung bình đạt 15 - 20 m³/ha/năm, năng suất rừng trồng bình quân đến khi khai thác đạt 100 - 150 m³/ha/chu kỳ. Trong đó:

Hình thành vùng trồng Quế tập trung; xây dựng một số mô hình sản xuất, chế biến Quế đạt tiêu chuẩn hữu cơ. Phát triển cây dược liệu dưới tán rừng để tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân.

Phát triển rừng gỗ lớn gắn với quản lý rừng bền vững, diện tích rừng được cấp chứng chỉ rừng bền vững đến năm 2025 đạt 10% tổng diện tích rừng trồng sản xuất, đến năm 2030 đạt 30%.

Thực hiện chuyển hóa 5.000 ha rừng trồng kinh doanh gỗ nhỏ sang rừng trồng kinh doanh gỗ lớn.

Diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững 1.400 ha.

Tổ chức triển khai thực hiện tốt Đề án “*Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025*”.

3. Chế biến và tiêu thụ lâm sản

Phát triển công nghiệp chế biến lâm sản gắn với quá trình cơ cấu lại ngành lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững.

Thực hiện chính sách thu hút đầu tư, khuyến khích các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến trong chế biến lâm sản; giảm cơ sở chế biến quy mô nhỏ, thủ công; giảm tỷ lệ sản phẩm chế biến thô, sản phẩm chế biến từ nguyên liệu gỗ nhỏ.

Thực hiện liên kết sản xuất chế biến gỗ theo chuỗi giá trị, thành lập các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác tạo các vùng nguyên liệu tập trung cung cấp cho các nhà máy chế biến trên địa bàn tỉnh. Thu hút đầu tư xây dựng nhà máy chế biến sản phẩm Quế với công suất khoảng 30.000 tấn sản phẩm/năm.

4. Xây dựng cơ sở hạ tầng lâm nghiệp

Tiếp tục hoàn thiện kết cấu hạ tầng lâm nghiệp thiết yếu, đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

5. Danh mục các dự án ưu tiên

Dự án bảo vệ và phát triển rừng sản xuất, phòng hộ, đặc dụng và nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025.

Dự án phục hồi và quản lý rừng bền vững tại miền Trung và miền Bắc Việt Nam (gọi tắt là Dự án KfW9.2) tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022 - 2028.

Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý rừng và cấm mồi rừng tỉnh Thái Nguyên.

III. Giải pháp thực hiện

1. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về lâm nghiệp

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền địa phương trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về cơ chế, chính sách phát triển lâm nghiệp; nâng cao nhận thức trong việc tham gia quản lý, bảo vệ phát triển rừng bền vững.

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng và đất lâm nghiệp, trồng rừng thay thế; nâng cao năng lực thực thi pháp luật, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp.

Phát triển lâm nghiệp gắn với việc thực hiện hiệu quả Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

2. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật

Tăng cường nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng tiến bộ, khoa học công nghệ, công nghệ thông tin trong tất cả các khâu của chuỗi giá trị ngành lâm nghiệp. Đảm bảo cung cấp đủ giống có chất lượng cao, từng bước nâng cao hiệu quả trồng rừng.

Tăng cường công tác khuyến lâm, hướng dẫn người dân áp dụng có hiệu quả các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất lâm nghiệp.

3. Liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ lâm sản

Đẩy mạnh thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ các Hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp liên kết sản xuất tiêu thụ theo chuỗi giá trị, phát huy vai trò của doanh nghiệp làm động lực trong sản xuất, chế biến, bao tiêu sản phẩm.

Phát triển công nghiệp chế biến lâm sản theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững và hội nhập kinh tế quốc tế. Phát triển đồng bộ các khâu của chuỗi giá trị lâm sản gắn phát triển các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung theo nhu cầu và khả năng tiêu thụ của thị trường.

4. Giải pháp về cơ chế chính sách

Thực hiện tốt các chính sách của Trung ương và địa phương đầu tư cho công tác bảo vệ và phát triển rừng.

Huy động tối đa các nguồn lực, đa dạng nguồn vốn; đẩy mạnh các nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng, du lịch sinh thái, trồng rừng thay thế, phấn đấu tham gia vào thị trường Carbon Quốc tế... để tăng thêm nguồn lực bảo vệ rừng.

V. Nguồn vốn và kinh phí thực hiện

1. Nguồn vốn

Thực hiện đa dạng nguồn vốn huy động để triển khai thực hiện chương trình đạt hiệu quả, gồm:

- Ngân sách Trung ương;
- Ngân sách địa phương đảm bảo theo khả năng ngân sách, lồng ghép sử dụng nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia;
- Nguồn kinh phí từ Quỹ bảo vệ và phát triển rừng;
- Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định.

2. Dự kiến kinh phí thực hiện

Tổng vốn dự kiến 8.587 tỷ đồng, trong đó: Ngân sách nhà nước hỗ trợ khoảng 310 tỷ đồng; nguồn kinh phí từ Quỹ bảo vệ và phát triển rừng khoảng 100 tỷ đồng; các nguồn vốn huy động hợp pháp khác khoảng 8.177 tỷ đồng./.

